

Số: 1178/BC-STP

Hưng Yên, ngày 13 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

**Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định chi tiết
thi hành một số điều của Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024
và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2199/STNMT-QHKH ngày 22/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường (*Cơ quan soạn thảo*) về việc đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ (*dự thảo Quyết định*); Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024 và Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ (*dự thảo Quy định*), dự thảo Quyết định và dự thảo Quy định gọi chung là dự thảo Văn bản; bản tổng hợp và giải trình tiếp thu ý kiến và các bản sao ý kiến tham gia.

Trên cơ sở nghiên cứu Hồ sơ đề nghị thẩm định, căn cứ các quy định của pháp luật về xây dựng và thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp (*Cơ quan thẩm định*) có ý kiến thẩm định đối với dự thảo văn bản như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

Đối tượng và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Văn bản phù hợp với quy định của pháp luật.

II. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Văn bản với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự thảo Văn bản phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

2. Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Văn bản với hệ thống pháp luật

a) Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Quy định Cơ quan soạn thảo quy định về việc công nhận hạn mức đất nông nghiệp do tự khai hoang “*Trường hợp cá nhân đã được giao đất nông nghiệp đủ hạn mức theo quy định tại Điều 176 Luật Đất đai thì tiếp tục được Nhà nước công nhận đối với đất nông nghiệp do cá nhân tự khai hoang và phải thành lập tổ chức kinh tế và có phương án sử dụng đất nông nghiệp bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 6 Điều 45 Luật Đất đai và được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt*”

Căn cứ theo quy định của khoản 4 Điều 139 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp thì được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; nếu vượt hạn mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước.*”

Như vậy việc Cơ quan soạn thảo quy định cá nhân đã được giao đất nông nghiệp đủ hạn mức theo quy định của UBND tỉnh thì tiếp tục được Nhà nước công nhận đối với đất nông nghiệp do cá nhân tự khai hoang là chưa phù hợp với quy định của khoản 4 Điều 139 Luật Đất đai nêu trên (*diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước*), đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, quy định lại nội dung trên cho phù hợp.

b) Tại khoản 2 Điều 22 dự thảo Quy định: đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “*khoản 1*” vào trước cụm từ “*khoản 2, 3, 5, 6,7 Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP*” cho đầy đủ vì khoản 1 Điều 53 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định “*Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cá nhân khác có nhu cầu sử dụng đất nộp hồ sơ xin giao đất ở*” là một nội dung trong trình tự, thủ tục thẩm định.

c) Đề nghị Cơ quan soạn thảo bỏ Điều 24 của dự thảo Quy định (*về trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn tại địa phương*) vì nội dung của Điều này quy định về thủ tục hành chính. Mặc dù trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn tại địa phương được Chính phủ giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết (*khoản 7 Điều 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP*), tuy nhiên quy định về thủ tục hành chính phải được luật, nghị quyết của Quốc hội giao. Do đó Điều 24 của dự thảo Quy định đã vi phạm điều cấm tại khoản 4 Điều 14 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020: “4. **Quy định**

thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, **quyết định của Ủy ban nhân dân**, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, **trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao** hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này.”.

III. NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Đối với dự thảo Quyết định

a) Tại Điều 2 dự thảo Quyết định: đề nghị Cơ quan soạn thảo thay dấu chấm phẩy (;) bằng từ “và” sau cụm từ “*Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024*” và sửa lại thành “*Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024 và thay thế các Quyết định ...*” cho rõ nghĩa.

b) Tại Điều 3: đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa lại cụm từ “*Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh*” thành “*Giám đốc sở, ban, ngành tỉnh*”.

c) Đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát kỹ toàn bộ nội dung dự thảo văn bản để chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật hoặc lỗi đánh máy... (nếu có), tránh sai sót khi văn bản đã được ban hành.

2. Đối với dự thảo Quy định

a) Tại Điều 1 dự thảo Quy định đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa cụm từ “*Luật Đất đai 2024 (sau đây gọi tắt là Luật Đất đai)*” thành “*Luật Đất đai số 31/2024/QH15*”; tại cuối khoản 2 Điều 22 đề nghị bỏ cụm từ “*ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ*” cho phù hợp với quy định của khoản 24 Điều 1 Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ

b) Trong Chương II: đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa lại từ “*Mục I, Mục II, Mục III*” thành “*Mục 1, Mục 2, Mục 3*” cho phù hợp với quy định của điểm b khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL.

c) Tại tiêu đề của Mục III: đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “chi tiết” vào sau cụm từ “*quy định*” và sửa thành “*Quy định chi tiết một số điều...*” cho rõ nghĩa.

IV. VỀ ĐIỀU KIỆN TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1. Dự thảo Quyết định cơ bản đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sau khi Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. Trường hợp Cơ quan soạn thảo tự ý chỉnh sửa hoặc bổ sung thêm những nội dung mới khác với dự thảo Quyết định ban đầu đã gửi Sở Tư pháp thẩm định thì phải chịu trách nhiệm về những nội dung đó và phải giải trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Sở Tư pháp không chịu trách nhiệm đối với những nội dung này.

2. Đề nghị Cơ quan soạn thảo gửi báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định kèm theo dự thảo Quyết định đã được chỉnh sửa *(có ký nháy từng trang của đơn vị trình)* đến Sở Tư pháp trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu: VT, VBQPPLTh.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thế Tiệm